

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-01-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Ngọc Dung;

Bà Vi Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nông Văn H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Hoàng Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào năm 2011 tuy nhiên đến ngày 18/8/2014 vợ chồng chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, khoảng năm 2020 hai vợ

chồng cùng đi làm dưới khu công nghiệp Q, Bắc Ninh được khoảng 01 năm, đến năm 2021 khi đó do dịch bệnh Covid bùng phát, không có việc làm nên anh, chị có trở về nhà ở thôn K (nay là thôn B), xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn được một thời gian. Lúc đó anh Nông Văn H thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời đến muộn mới về nhà, không quan tâm gì đến vợ con, chị cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Nông Văn H không nghe, tình trạng cứ tiếp diễn như vậy dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ tháng 02/2023 do kinh tế không ổn nên chị tiếp tục làm hồ sơ đi làm tại công ty S tại S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Khi đó chị cũng nói chuyện, phân tích và động viên anh Nông Văn H đi làm cùng để gia đình tập trung, ổn định nhưng anh Nông Văn H không nghe, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Từ khi ly thân, vợ chồng không liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa do vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn H.

Về con chung: Chị và anh Nông Văn H có 01 con chung là cháu Nông Tùng L1, sinh ngày 08/6/2017 hiện đang học lớp 1 trường tiểu học N, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Từ khi vợ chồng ly thân, chị vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1 và có đủ điều kiện để đảm bảo nuôi dưỡng cháu, anh Nông Văn H không quan tâm, chăm sóc gì con, do vậy khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L1 và không yêu cầu anh Nông Văn H phải cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm ở Công ty S mới mức lương trung bình khoảng 12.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Bị đơn anh Nông Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc anh và chị Hoàng Thị L có đăng ký kết hôn đúng như chị Hoàng Thị L trình bày. Anh thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 3 - 4/2023 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ khi ly thân, chị Hoàng Thị L và cháu Lâm sinh s ở dưới Bắc Giang không trở về nhà, còn anh sinh sống ở xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nay chị Hoàng Thị L yêu cầu ly hôn, anh không nhất trí nhưng anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm cũng như cải thiện tình trạng mâu thuẫn.

Về con chung: Anh và chị Hoàng Thị L có 01 con chung là cháu Nông Tùng L1, sinh ngày 08/6/2017. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu L1 ở với chị Hoàng Thị L. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L1 và không yêu cầu chị Hoàng Thị L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang là lao động tự do tại địa phương với mức thu nhập trung bình khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ tuy nhiên anh không có tài liệu gì chứng minh cho thu nhập của mình.

Về tài sản chung: Không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L, cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Nông Văn H.

Về con chung: Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Giao cháu Nông Tùng L1, sinh ngày 08/6/2017 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hoàng Thị L. Trả lại chị Hoàng Thị L 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra còn kiến nghị Tòa án thực hiện đầy đủ quy định về việc cung cấp bản thông tin, giải thích quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí cho bị đơn.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị Hoàng Thị L cung cấp gồm có: Đơn khởi kiện; trích lục kết hôn; giấy tờ tùy thân; giấy khai sinh của con chung; bản tự khai; xác nhận thông tin về cư trú; sao kê tài khoản ngân hàng của chị Hoàng Thị L.

Bị đơn anh Nông Văn H không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm có: Biên bản lấy lời khai của anh Nông Văn H; biên bản lấy lời khai của chị Hoàng Thị L; biên bản xác minh tại thôn K (nay là B), xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật tuy nhiên bị đơn anh Nông Văn H đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được vụ án, Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nông Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Hoàng Thị L khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Bị đơn anh Nông Văn H có hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang cư trú tại thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, do vậy Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Nông Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 18/8/2014 nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung trong việc xây dựng kinh tế gia đình. Việc mâu thuẫn này, cả hai anh chị đều thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay và phù hợp với xác minh tại địa phương. Từ khi ly thân vợ chồng không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị L, anh H đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị L đưa ra là có căn cứ, cần được chấp nhận. Anh Nông Văn H yêu cầu đoàn tụ tuy nhiên quá trình Tòa án triệu tập đến hòa giải, giải quyết vụ án anh Nông Văn H đều vắng mặt, không đưa ra được phương án cũng như biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng do vậy yêu cầu của anh là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Nông Tùng L1, sinh ngày 08/6/2017. Hiện tại cháu L1 đang sinh sống và học tập cùng với chị Hoàng Thị L ở dưới Bắc Giang. Hội đồng xét xử thấy việc anh Nông Văn H yêu cầu nuôi con không phù hợp với điều kiện sinh hoạt thực tế, có thể gây ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại của cháu L1 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Nông Văn H. Chị Hoàng Thị L có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con do vậy để ổn định cuộc sống cần giao cháu Nông Tùng L1 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nông Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp với ý kiến của nguyên đơn chị Hoàng Thị L.

[5] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị L, anh Nông Văn H không có tài sản chung.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị L là dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có yêu cầu miễn án phí thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp về nội dung của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về nội dung kiến nghị về việc không giải thích quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí cho bị đơn anh Nông Văn H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Nông Văn H đều vắng mặt không lý do, không đến Tòa án. Do vậy Tòa án không thực hiện được việc giải thích quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí cho bị đơn anh Nông Văn H.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 266, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L về việc chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Nông Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Tùng L1, sinh ngày 08/6/2017 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Hoàng Thị L số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005552 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị L có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nông Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHA DS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã S, thành phố B, tỉnh B;
- UBND xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Thị Hương Giang